BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

TRẦN HẰNG LY

HÀNH VI GÂY HẤN CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ

Chuyên ngành: Tâm lý học chuyên ngành
Mã số: 931.04.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ TÂM LÝ HỌC

Hà Nội- 2019

Công trình được hoàn thành tại
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Đỗ Thị Hạnh Phúc
PGS.TS Trần Thị Mỵ Lương

Phản biện 1: PGS.TS Lê Văn Hảo
Viện Tâm lý học

Phản biện 2: PGS.TS Nguyễn Thị Mai Lan
Học viện KHXH- Viện Hàn lâm KHXH VN

Phản biện 3: PGS.TS Phan Trọng Ngọ
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Trường
họp tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
vào hồi ….. giờ… ngày… tháng… năm…

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện: Thư viện Quốc Gia, Hà Nội
hoặc Thư viện Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Trần Hằng Ly (10/2017), "*Một số vấn đề lí luận về hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở"*, Tạp chí Giáo dục và Xã hội, Số đặc biệt, tháng 10/2017, tr.116-118.
2. Trần Văn Công, Nguyễn Thị Hồng, Trần Hằng Ly, Nguyễn Lan Nhi (2017), *"Tính gắn kết trường học ở học sinh trung học",* Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Tâm lý học Khu vực Đông Nam Á lần thứ nhất *"Hạnh phúc con người và phát triển bền vững",* RCP 2017, Quyển 2, tr.430-437. ISBN 978-604-62-9912-7.
3. Trần Hằng Ly (03/2018), *"Khảo sát thực trạng hành vi gây hấn của học sinh THCS trên địa bàn tỉnh Nghệ An"*, Tạp chí Giáo dục, Số 425, tháng 3/2018, tr.15-18.
4. Trần Hằng Ly (07/2018), "*Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở",* Tạp chí Giáo dục, Số 433, Kì 1 - tháng 07/2018, tr.17-20.
5. Trần Hằng Ly (2018), "*Tính gắn kết trường học của học sinh trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Nghệ An",* Kỷ yếu Hội thảo quốc tế *"Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên phổ thông và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông và giảng viên sư phạm",* Nxb trường Đại học Vinh.
6. Trần Hằng Ly (2019), "*Mối quan hệ giữa khả năng tự kiểm soát và hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở"*, Kỷ yếu Hội nghị Khoa học cán bộ, giảng viên trẻ năm học 2018-2019, Nxb trường Đại học Vinh.

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Về lí luận: Gây hấn là một hiện tượng xã hội diễn ra khắp mọi nơi, mọi nền văn hóa và được các nhà tâm lý học, xã hội học đặc biệt quan tâm vì ảnh hưởng tiêu cực của nó đến đời sống của con người. Hành vi gây hấn (HVGH) là những hành động mang tính chất xâm hại, nhằm làm tổn thương người khác, chính bản thân mình hoặc các vật thể xung quanh một cách có chủ đích dù mục đích có được hay không (Trần Thị Minh Đức, 2008 - 2010). HVGH đã làm cho môi trường học tập trở nên không an toàn: nhiều em cảm thấy sợ hãi khi đến trường và ở trường (Noaks & Noaks, 2000), (Reuter-Rice, Karin Eve, 2006). Nạn nhân của HVGH trong trường học bị ảnh hưởng cả về mặt học tập lẫn mặt xã hội (Gilmartin). Việc nghiên cứu một cách tường minh các lí luận về HVGH của học sinh THCS sẽ góp phần làm cơ sở cho việc nhận diện HVGH, tạo tiền đề cho các nghiên cứu thực trạng về HVGH hiện nay đi đúng hướng và có trọng tâm hơn.

Về thực tiễn: HVGH trong trường học vốn là vấn nạn nổi cộm trong xã hội, diễn ra dưới nhiều hình thức như trực tiếp hay gián tiếp, trên mọi cấp độ từ việc trêu đùa, nói xấu đến những hành vi bạo lực (Hoàng Xuân Dung, 2010). Trong những năm gần đây, vấn đề gây hấn trong trường học thu hút nhiều sự quan tâm của xã hội vì hậu quả đau lòng tới tâm, sinh lý của học sinh mà nó gây ra. Về mức độ gây hấn, chỉ có 0,1% học sinh không bao giờ gây hấn, 95,3% học sinh thỉnh thoảng có gây hấn và 4,6% học sinh gây hấn thường xuyên. Về mức độ bị gây hấn, số liệu nghiên cứu cho thấy 2,6% học sinh thường xuyên bị gây hấn và 97,4% học sinh thỉnh thoảng bị gây hấn trong phạm vi học đường (Trần Thị Minh Đức, 2010). Nhiều tác giả đã khẳng định, HVGH trong trường học gây tổn thương cả về thể chất và tinh thần cho cả học sinh có HVGH và học sinh là nạn nhân của HVGH (Trần Thị Minh Đức, 2010; Trần Thị Tú Anh, 2012, Phan Mai Hương, 2009; Olweus, 1993). HVGH trong trường học còn tác động xấu đến những học sinh chứng kiến, các em hoặc là vô cảm hoặc trải nghiệm qua cảm giác bất lực. Một số em khác cảm thấy day dứt vì mình không thể làm gì để ngăn cản sự việc, một số khác có cảm giác thiếu an toàn, lo lắng hạn chế sự sáng tạo và khiến bầu không khí của học sinh trở nên căng thẳng (Trần Thị Minh Đức, 2010).

Học sinh THCS là lứa tuổi từ 11 đến 15 tuổi. Đây là giai đoạn phát triển không cân đối cả về hành vi lẫn tâm lý ở học sinh. Sự thay đổi về sinh lý cũng dẫn đến ảnh hưởng rõ rệt tới sự thay đổi về tâm lý trong giai đoạn này. Đặc điểm nổi bật của độ tuổi này là sự phát triển mạnh mẽ của tự ý thức thể hiện ở xu hướng khẳng định "tính người lớn" của bản thân, quá trình hưng phấn chiếm ưu thế rõ rệt, sự ức chế bị kém đi dẫn đến nhiều khi thiếu niên không làm chủ được mình, dễ bực tức cáu gắt nên dễ vi

phạm kỉ luật, dễ xúc động (Đinh Thị Kim Thoa, 2009). Điều này cho thấy khả năng kiểm soát cảm xúc, tự chủ hành vi ở các em là khá kém, có thể làm một số em cảm thấy ức chế và có nguy cơ gia tăng những hành vi tiêu cực như gây hấn, bạo lực.

Hiện nay, các nghiên cứu về HVGH chủ yếu tập trung vào đối tượng khách thể là học sinh THPT, chưa có một nghiên cứu cụ thể và quy mô về HVGH của học sinh THCS. Nghiên cứu một cách khoa học HVGH và những yếu tố ảnh hưởng đến HVGH của học sinh THCS để từ đó đề xuất và thực nghiệm một số biện pháp phòng ngừa HVGH là một đề tài mang tính cấp thiết. Xuất phát từ những cơ sở lí luận và thực tiễn trên, chúng tôi chọn nghiên cứu về: ***"Hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở".***

2. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu lý luận và khảo sát thực trạng HVGH của học sinh THCS, đề xuất và thực nghiệm một số biện pháp phòng ngừa HVGH cho học sinh THCS.

3. Đối tượng và khách thể nghiên cứu

***3.1.* Đối tượng nghiên cứu**

Biểu hiện, mức độ HVGH và các yếu tố ảnh hưởng đến HVGH của học sinh THCS.

***3.2.* Khách thể nghiên cứu**

3.2.1. Khách thể nghiên cứu

- 468 học sinh tại 6 trường THCS Hưng Bình, THCS Đặng Thai Mai, THCS Nghi Mỹ, THCS Nghi Trung, THCS Thị Trấn Mường Xén và Phổ thông Dân tộc Nội trú THCS Kỳ Sơn tại tỉnh Nghệ An.

- 8 giáo viên chủ nhiệm của các lớp được nghiên cứu.

3.2.2. Khách thể nghiên cứu thực nghiệm

Thực nghiệm chương trình phòng ngừa HVGH thông qua việc phát triển kĩ năng tự kiểm soát trên 80 học sinh THCS tại trường THCS Nghi Mỹ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. (40 học sinh lớp thực nghiệm và 40 học sinh lớp đối chứng).

4. Giả thuyết nghiên cứu

HVGH ở học sinh THCS ở mức độ trung bình với các biểu hiện đa dạng về loại hình như: gây hấn bằng hành động, gây hấn bằng thái độ.

Có sự khác biệt về mặt giới tính, học lực trong HVGH của học sinh.

HVGH chịu sự chi phối của nhiều yếu tố (Khả năng tự kiểm soát, tính gắn kết trường học, truyền thông). Trong đó yếu tố khả năng tự kiểm soát là yếu tố độc lập dự báo HVGH.

Có thể phòng ngừa HVGH bằng các biện pháp giáo dục kĩ năng tự kiểm soát cho học sinh THCS.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

5.1. Xây dựng cơ sở lí luận về HVGH, biểu hiện, mức độ của HVGH của học sinh THCS.

5.2. Khảo sát thực trạng biểu hiện, mức độ HVGH và các yếu tố ảnh hưởng đến HVGH của học sinh THCS.

5.3. Đề xuất và thực nghiệm một số biện pháp phòng ngừa HVGH cho học sinh THCS thông qua việc phát triển kĩ năng tự kiểm soát cho học sinh.

6. Giới hạn và phạm vi nghiên cứu

6.1. Về đối tượng nghiên cứu

Biểu hiện, mức độ, các loại HVGH.

6.2. Về khách thể nghiên cứu

468 học sinh tại trường 6 trường: THCS Hưng Bình, THCS Đặng Thai Mai, THCS Nghi Mỹ, THCS Nghi Trung, THCS Thị Trấn Mường Xén và PTDTNT THCS Kỳ Sơn trên địa bàn tỉnh Nghệ An và 8 giáo viên chủ nhiệm lớp các em đang theo học.

7. Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu

7.1. Cơ sở phương pháp luận nghiên cứu HVGH của học sinh THCS

7.1.1. Nguyên tắc hoạt động

Thông qua hoạt động, những đặc điểm tâm sinh lý của cá nhân hay của nhóm được hình thành, bộc lộ và phát triển. Vì vậy, nghiên cứu HVGH của học sinh THCS cần được tiến hành thông qua các hoạt động cụ thể của các em trong môi trường học đường (giao tiếp, học tập, vui chơi...)

7.1.2. Nguyên tắc tiếp cận cấu trúc - hệ thống

Con người là một chỉnh thể thống nhất và các hiện tượng tâm lý chịu sự chi phối bởi nhiều yếu tố khách quan và chủ quan. Hành vi là biểu hiện của một cấu trúc, kết quả vận hành của một hệ thống. Vì vậy, cần nghiên cứu HVGH trên nhiều mặt như biểu hiện, mức độ, tính chất; các yếu tố khách quan và chủ quan tác động đến HVGH của học sinh như giới tính, độ tuổi, vùng miền, kết quả học tập, trình độ nhận thức, các đặc điểm tâm sinh lý cá nhân khác.

7.1.3. Nguyên tắc phát triển

Nghiên cứu HVGH của học sinh THCS cũng dựa trên nguyên tắc phát triển. Ở mỗi giai đoạn lứa tuổi, tâm lý con người luôn vận động, thay đổi. Do đó, cần nghiên cứu HVGH theo những đặc trưng tâm lý lứa tuổi của học sinh THCS.

7.2. Các phương pháp nghiên cứu cụ thể

Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong đề tài là:

7.2.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu

7.2.2. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

7.2.3. Phương pháp quan sát

7.2.4. Phương pháp phỏng vấn sâu

7.2.5. Phương pháp thực nghiệm

7.2.6. Phương pháp nghiên cứu trường hợp

7.2.7. Phương pháp thống kê toán học

8. Đóng góp mới của luận án

Luận án có một số đóng góp như sau:

Về lí luận:

Luận án đã tập trung làm rõ HVGH trên đối tượng là học sinh THCS với những cách tiếp cận tâm lý học phát triển, tâm lý học xã hội. Luận án đã hệ thống hóa và bổ sung một số vấn đề lý luận về khái niệm, biểu hiện và các loại HVGH của học sinh THCS, trong đó đã chỉ ra được cấu trúc tâm lý HVGH của học sinh THCS gồm 2 loại là: HVGH biểu hiện qua thái độ và HVGH biểu hiện qua hành động. Bên cạnh đó, luận án đã góp phần làm sáng tỏ thêm lí luận tâm lý học về các yếu tố dự báo HVGH, góp phần làm phong phú thêm tri thức tâm lý học, giáo dục học ở nước ta.

Về thực tiễn:

Luận án đã chỉ rõ được thực trạng mức độ và biểu hiện HVGH của học sinh THCS. Trong đó:

Hành vi gây hấn của học sinh THCS ở mức độ trung bình. Học sinh có xu hướng thực hiện gây hấn thái độ nhiều hơn gây hấn hành động. Có sự khác biệt giới trong HVGH của học sinh THCS. Học sinh nam thường gây hấn hành động nhiều hơn học sinh nữ, trong khi đó, học sinh nữ thường gây hấn thái độ nhiều hơn học sinh nam. Có sự khác biệt về học lực trong HVGH của học sinh. Học sinh có học lực xuất sắc, giỏi ở những trường chuyên, lớp chọn có mức độ gây hấn thái độ nhiều hơn các học sinh có học lực trung bình và yếu. Ngược lại, gây hấn hành động lại thường xuyên xảy ra ở học sinh có trung bình và yếu.

Có sự tương quan chặt chẽ ở mức trung bình giữa HVGH biểu hiện qua thái độ và HVGH biểu hiện qua hành động.

Xác định được thực trạng các yếu tố dự báo HVGH của học sinh THCS (Khả năng tự kiểm soát, tính gắn kết trường học, cách ứng xử trong gia đình, mức độ chơi game giải trí). Trong đó, yếu tố khả năng tự kiểm soát, đặc biệt là kiểm soát tiêu cực là yếu tố độc lập dự báo HVGH của học sinh THCS.

Luận án đã xây dựng được các biện pháp tâm lý và tiến hành thực nghiệm thành công chương trình phòng ngừa HVGH cho học sinh THCS.

9. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, kiến nghị, tài liệu tham khảo, phụ lục, nội dung luận án gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lí luận về hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở.

Chương 2: Tổ chức và phương pháp nghiên cứu hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở.

Chương 3: Kết quả nghiên cứu thực tiễn hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở.

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÍ LUẬN VỀ HÀNH VI GÂY HẤN CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ

1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

Cho đến nay, các nghiên cứu về HVGH khá đang dạng, phong phú… được khái quát thành nhiều hướng nghiên cứu khác nhau. Phần tổng quan của đề tài được trình bày theo bốn hướng nghiên cứu chính sau:

Hướng thứ nhất: Nghiên cứu lí luận về hành vi gây hấn;

Hướng thứ hai: Nghiên cứu thực tiễn về HVGH;

Hướng thứ ba: Nghiên cứu các yếu tố dự báo HVGH;

Hướng thứ tư: Nghiên cứu về biện pháp can thiệp, phòng ngừa HVGH.

Tổng quan cho thấy, trên thế giới, HVGH trong trường học là một nội dung được quan tâm từ rất sớm. Có khá nhiều công trình nghiên cứu về lí luận và thực tiễn với quy mô lớn, tiến hành trên quốc gia tìm hiểu về vấn đề này. Tuy nhiên, hầu hết các công trình nghiên cứu đều chưa thống nhất về thuật ngữ HVGH, trong một vài nghiên cứu đều giới hạn coi HVGH là những biểu hiện nhằm cố ý gây hại cho người khác khi không được sự đồng thuận của họ. Ở Việt Nam, những công trình nghiên cứu chuyên sâu về HVGH chủ yếu tập trung ở lứa tuổi THPT. Các công trình nghiên cứu, đo lường về HVGH chưa xây dựng thang đo khả tính cho từng nhóm đối tượng học sinh khác nhau, trong khi mỗi nhóm người, mỗi lứa tuổi sẽ có biểu hiện về HVGH cơ bản là khác nhau. Nghiên cứu giúp mở rộng các thang đo lường về HVGH trên những đối tượng học sinh khác nhau, cụ thể là đo lường HVGH trên đối tượng là học sinh THCS. Các nghiên cứu chuyên sâu về HVGH tại Việt Nam chủ yếu đang đề cập đến lứa tuổi học sinh THPT, trong khi đó, lứa tuổi THCS là một trong những giai đoạn lứa tuổi phức tạp, đầy biến động về sự phát triển thể chất và tâm lý, rất khó trong việc kiểm soát cảm xúc dẫn đến gia tăng HVGH lại chưa được quan tâm đúng mức. Việc nghiên cứu HVGH của học sinh THCS chú trọng tập trung khai thác đặc

điểm tâm lý lứa tuổi học sinh THCS ảnh hưởng đến HVGH trong giai đoạn hiện nay là rất cấp thiết và có ý nghĩa thực tiễn cao.

1.2. Hành vi và hành vi gây hấn

1.2.1. Hành vi

Hành vi là những phản ứng của chủ thể với những kích thích.

1.2.2. Gây hấn

Gây hấn là những biểu hiện nhằm làm tổn thương người khác về thể chất và tinh thần một cách có chủ ý.

1.2.3. Hành vi gây hấn

HVGH là những phản ứng có chủ đích gây tổn hại về thể chất, tinh thần, được biểu hiện qua thái độ và hành động.

HVGH bao gồm 2 loại là gây hấn qua thái độ và gây hấn qua hành động

1.3. Hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở

1.3.1. Học sinh trung học cơ sở

Học sinh THCS là lứa tuổi thiếu niên tính từ 11 đến 15 tuổi. Sự thay đổi về sinh lý cũng như sự xuất hiện của những đặc điểm tâm lý mới dẫn đến việc các em không làm chủ được mình, cảm thấy ức chế và có nguy cơ gia tăng những hành vi tiêu cực như gây hấn, bạo lực.

1.3.2. Hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở

Trong đề tài này, để tìm hiểu nội dung các biểu hiện HVGH và phân loại các biểu hiện này, chúng tôi đã kế thừa và tổng hợp nội dung của HVGH trong các thang đo: Bảng hỏi biểu hiện tính gây hấn của Yudofstey (1986), Buss (1992), Orpinas (2001), sau đó dịch và thích nghi tiếng Việt để xây dựng nên thang đo biểu hiện về HVGH của mình bao gồm 39 biểu hiện khác nhau. Sau khi phân tích liển định chất lượng thang đo lường HVGH của học sinh trên nghiên cứu thực tiễn, kết quả cho thấy HVGH của học sinh THCS được chia làm hai loại là gây hấn bằng bằng thái độ và gây hấn bằng hành động, 2 hình thức này tác động trên cả 2 loại đối tượng là: cá nhân chủ thể và đối tượng khách quan. Đó là sự tích hợp từ những thang đo trên cũng như căn cứ vào nghiên cứu chúng tôi rút ra được.

Gây hấn bằng thái độ là loại gây hấn gián tiếp gây ra những tổn thương về tâm lý đối phương thông qua việc bộc lộ sự tức giận hay thái độ thù địch.

Gây hấn bằng hành động là một loại gây hấn trực tiếp, sử dụng những phản ứng bộc lộ ra bên ngoài để thỏa mãn sự bực tức, sự mất kiểm soát, thể hiện bằng hành động. Bao gồm gây hấn với người khác bằng lời nói, gây hấn với đồ vật và gây hấn với bản thân.

Hành vi gây hấn của học sinh THCS là những phản ứng có chủ đích gây nên những tổn hại về thể chất và tâm lý cho chính mình, người khác hoặc những vật thể xung quanh, được biểu hiện qua thái độ và hành động của học sinh.

** HVGH biểu hiện qua thái độ là:*

- Thái độ thù địch với người khác
- Sự tức giận
- Thái độ ủng hộ bạo lực
- Thái độ thiếu hợp tác, thiếu đồng cảm, vị tha.

** HVGH biểu hiện qua hành động là:*

- Hành động hướng tới gây tổn thương thể chất và tinh thần cho người khác.
- Hành động hướng tới gây tổn thương thể chất và tinh thần cho chính bản thân mình.
- Hành động hướng tới gây tổn hại cho các vật thể xung quanh.

Hành vi gây hấn được nghiên cứu tác động trên cả 2 loại đối tượng là cá nhân chủ thể và đối tượng khách quan.

1.4. Các yếu tố liên quan đến hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở

1.4.1. Khả năng tự kiểm soát

"Tự kiểm soát là khả năng tự thay đổi suy nghĩ, chuyển hóa cảm xúc, điều chỉnh hành vi và ham muốn của bản thân trong những tình huống khó khăn một cách hợp lý để đáp ứng với yêu cầu của môi trường xung quanh và giảm thiểu, bác bỏ những hành vi tiêu cực không mong muốn". Tự kiểm soát của cá nhân bao gồm 2 loại: tự kiểm soát tích cực và tự kiểm soát tiêu cực.

Tự kiểm soát tích cực là khả năng tự điều chỉnh suy nghĩ, cảm xúc, hành vi và ham muốn của bản thân một cách hợp lý như thay đổi cách nhìn nhận, chuyển hóa sự tức giận... để đáp ứng với các tình huống có vấn đề trong cuộc sống.

Tự kiểm soát tiêu cực là khả năng tự điều chỉnh suy nghĩ, cảm xúc, hành vi và ham muốn của bản thân một cách chưa hợp lý như kìm nén, giấu diếm, lảng tránh... để đáp ứng với các tình huống có vấn đề trong cuộc sống.

1.4.2. Tính gắn kết trường học

Tính gắn kết trường học của học sinh bao gồm: 1) Mối quan hệ với thầy cô: Sự đánh giá của học sinh về thầy cô và mối quan hệ của thầy cô với các em, trong đó, các em cảm thấy được tôn trọng, được chia sẻ, được ghi nhận; 2) Mối quan hệ với bạn bè: Sự đánh giá của các em về bạn và mối quan hệ của các em với bạn của mình, trong đó, các em cảm thấy được tôn trọng, bình đẳng, thân thiện; 3) Mối quan hệ với nhà trường: Sự đánh giá của học sinh về điều kiện học tập và thái độ của học sinh với trường học của mình, trong đó, các em được là chính mình tại trường, được tạo điều kiện tốt nhất để học tập và rèn luyện, được an toàn tại trường học của mình.

1.4.3. Mạng xã hội và game bạo lực

Nghiên cứu này tập trung chỉ ra sự tác động của mạng xã hội và game bạo lực đối với HVGH qua 2 nội dung sau: 1) Mức độ chơi game hằng ngày, tức là sự mất kiểm soát trong tần suất sử dụng, cá nhân có xu hướng ngày càng dành nhiều thời gian cho các phương tiện đại chúng, mạng xã hội. 2) Nội dung, loại hình game và phim.

Kết luận chương 1

CHƯƠNG 2. TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU HÀNH VI GÂY HẤN CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ

2.1. Tổ chức nghiên cứu

2.1.1. Khách thể và địa bàn nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành bằng bảng hỏi tự thuật (self-report) trên 468 học sinh THCS. Mẫu khách thể gồm có ở cả 4 khối lớp 6, 7, 8, 9 tại 6 trường: THCS Hưng Bình, THCS Đặng Thai Mai, THCS Nghi Mỹ, THCS Nghi Trung, THCS Thị Trấn Mường Xén và Phổ thông Dân tộc Nội trú THCS Kỳ Sơn là những nơi đặc trưng cho các vùng miền trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Khách thể tương đối đồng đều về mặt giới tính, gồm 220 học sinh nam và 248 học sinh nữ. Khi đã thu thập đủ số liệu từ các bảng hỏi, chúng tôi tiến hành xử lí số liệu để phục vụ cho việc phân tích.

2.1.2. Các giai đoạn nghiên cứu

Quá trình nghiên cứu HVGH của học sinh THCS được tổ chức qua 2 công đoạn chính:

Nghiên cứu lí luận về hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở.

Nghiên cứu thực trạng về hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở.

Các giai đoạn nghiên cứu

Giai đoạn 1: Xác định và xây dựng đề cương nghiên cứu

Giai đoạn 2: Thiết kế công cụ điều tra

Giai đoạn 3: Điều tra thử và hoàn thiện công cụ điều tra

Giai đoạn 4: Giai đoạn điều tra chính thức

Giai đoạn 5: Xử lí kết quả, viết và hoàn chỉnh luận án

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu

Sử dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa các tài liệu về hành vi, gây hấn, hành vi gây hấn, các yếu tố liên quan đến HVGH của học sinh THCS.

2.2.2. Phương pháp quan sát

Quan sát hành động, cử chỉ, lời nói có biểu hiện gây hấn của học sinh trong giờ học, giờ ra chơi, qua các buổi sinh hoạt tập thể và qua phiếu quan sát.

2.3.3. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

Điều tra thực trạng biểu hiện và mức độ HVGH của học sinh THCS;

Điều tra những yếu tố dự báo đến HVGH của học sinh THCS.

2.2.4. Phương pháp phỏng vấn sâu

Phỏng vấn giáo viên chủ nhiệm về thực trạng HVGH của học sinh và các yếu tố ảnh hưởng đến HVGH của học sinh THCS.

2.2.5. Phương pháp thực nghiệm

Tiến hành biện pháp phòng ngừa HVGH thông qua giáo dục kĩ năng tự kiểm soát cho học sinh:

Nội dung 1: Nâng cao nhận thức cho học sinh về HVGH.

Nội dung 2: Phát triển kĩ năng giải quyết vấn đề cho học sinh.

Nội dung 3: Phát triển kĩ năng kiểm soát cảm xúc cho học sinh.

2.2.6. Phương pháp nghiên cứu trường hợp

Phương pháp này được sử dụng để lựa chọn những học sinh điển hình khi tìm hiểu thực trạng HVGH với mục đích tập trung phân tích và lý giải về HVGH của học sinh trong mối quan hệ tác động qua lại giữa gia đình, bạn bè, thầy cô và nhà trường. Sau khi đã lựa chọn trường hợp điển hình, chúng tôi tiến hành mô tả chân dung để làm sáng rõ các đối tượng nghiên cứu.

2.2.7. Phương pháp toán thống kê

Sau khi kết thúc điều tra chính thức, luận án sử dụng phần mềm chuyên dụng SPSS 23.0 for Window để tính phần trăm, điểm trung bình, so sánh, tính tương quan, phân tích hồi quy tuyến tính số liệu nghiên cứu.

Cách thức thiết kế thang đo và cách tính toán điểm số của bảng hỏi.

Thang đo được thiết kế trên cơ sở những biểu hiện cơ bản của biểu hiện và mức độ HVGH của học sinh THCS và các yếu tố ảnh hưởng đến HVGH của học sinh THCS. Hình thức của thang đo là hệ thống mệnh đề có tính chất nhận định. Để có thể đo đếm và so sánh các mệnh đề đó, chúng tôi gán cho mỗi mức 1 số điểm. Điểm này chỉ có tính chất ước lệ. Cách tính điểm như sau:

+ Thang đo biểu hiện và mức độ HVGH của học sinh THCS gồm 4 phương án lựa chọn.

1: Không bao giờ = 1 điểm; 2: Hiếm khi = 2 điểm;

3: Thỉnh thoảng = 3 điểm; 4: Thường xuyên = 4 điểm.

Tương ứng với cách tính điểm trên là các mức về sự phân bố điểm trung bình của từng nội dung nghiên cứu được chia thành 4 mức (cách chia tính trên cơ sở tính độ lệch trung bình):

Bảng 2.1. Bảng ma trận các mức độ HVGH của học sinh THCS

Mức độ	***Phổ điểm***	***Tiêu chí đánh giá (Trong 6 tháng vừa qua...)***
Mức 1	1 đến 1,6	Học sinh hầu như không có biểu hiện nào về HVGH trong trường học.
Mức 2	1,7 đến 2,09	Học sinh có 1 đến 2 biểu hiện về HVGH trong trường học nhưng không đáng kể.
Mức 3	2,10 đến 2,58	Học sinh có một vài biểu hiện về HVGH trong trường học.
Mức 4	2,59 đến 4	Học sinh thường xuyên và liên tục thực hiện những HVGH trong trường học.

Kết luận chương 2

CHƯƠNG 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THỰC TIỄN HÀNH VI GÂY HẤN CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ

3.1. Thực trạng hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở

3.1.1. Đánh giá chung hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở

Bảng 3.1. Các chỉ số thống kê về mức độ HVGH của học sinh THCS

Hành vi gây hấn			***Giới tính***				
	ĐTB	***ĐLC***		***ĐTB***	***ĐLC***	***F***	***p***
Gây hấn thái độ	**2,44**	**0,48**	Nam	2,41	0,46	2,27	0,05
			Nữ	2,49	0,49		
Gây hấn hành động	**1,74**	**0,50**	Nam	1,91	0,53	18,64	0,00
			Nữ	1,58	0,43		
Với đồ vật	1,72	0,60	Nam	1,83	0,63	8,49	0,00
			Nữ	1,62	0,55		
Với bản thân	1,58	0,62	Nam	1,69	0,67	10,49	0,00
			Nữ	1,50	0,57		
Với người khác	1,84	0,51	Nam	1,85	0,61	31,77	0,00
			Nữ	1,52	0,44		

Điểm trung bình HVGH từ 1,58 đến 2,44 trên thang điểm 4 cho thấy học sinh THCS có HVGH ở mức độ trung bình, trên bình diện chung cũng như ở từng khía cạnh cụ thể. HVGH của học sinh THCS được biểu hiện trên 2 mặt là gây hấn thái độ và gây hấn hành động. Học sinh THCS có xu hướng thực hiện gây hấn thái độ *(ĐTB = 2,44 với ĐLC = 0,48)* nhiều hơn gây hấn hành động *(ĐTB = 1,74 với ĐLC = 0,50).* Kết quả này có sự tương đồng với nghiên cứu của tác giả Trần Văn Công và cộng sự (2009), trẻ thường bị bắt nạt ẩn, bắt nạt quan hệ *(25,5% so với 10,75%)* nhiều hơn là bắt nạt ở hình thức trực tiếp (ngoài cơ thể). Đây cũng là hình thức đáng lưu tâm, bởi khi nói đến gây hấn, người ta sẽ nghĩ ngay đến gây hấn bằng hành vi, bạo lực. Tuy nhiên, trên thực tế, hình thức này không phổ biến bằng gây hấn bằng thái độ.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, học sinh nữ có xu hướng thực hiện gây hấn thái độ nhiều hơn học sinh nam và ngược lại học sinh nam có xu hướng thực hiện gây hấn hành động nhiều hơn học sinh nữ, kết quả này có ý nghĩa thống kê. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu trước đây của Hoàng Xuân Dung và cộng sự (2010) rằng học sinh nam có tỷ lệ sử dụng các HVGH mang tính chất gây hấn cao hơn học sinh nữ, trong khi đó, học sinh nữ thường gây hấn bằng lời nói về mặt tinh thần nhiều hơn nam. Hay nghiên cứu sự khác biệt về giới liên quan đến hành vi gây hấn ở 167 trẻ em từ 11 đến 12 tuổi của Lagerspetz1 và cộng sự (1988) thông qua các kỹ thuật phân loại được hỗ trợ bởi sự tự xếp hạng bản thân và các cuộc phỏng vấn đã chỉ ra rằng các em gái đã sử dụng nhiều hơn các phương tiện gây hấn gián tiếp, trong khi các em trai có xu hướng sử dụng các phương tiện gây hấn trực tiếp.

3.1.2. Biểu hiện gây hấn qua thái độ của học sinh trung học cơ sở

Chúng tôi dùng so sánh cặp đôi T-Test để so sánh các nhân tố của gây hấn qua thái độ. Các em có xu hướng thể hiện sự tức giận (ĐTB = 2,35) ít hơn so với thái độ thù địch (ĐTB = 2,46). Kết quả này có ý nghĩa về mặt thống kê với với p = 0,00 (t = -4,985).

3.1.2.1. Biểu hiện sự tức giận của học sinh trung học cơ sở

Xu hướng: *"Em rất dễ tức giận nhưng rồi cũng dễ bỏ qua"* (*ĐTB = 2,99)* được các em cho rằng thường xuất hiện với tần suất nhiều nhất. Không chỉ có vậy, biểu hiện này có đến 41,2% học sinh cho rằng thường xuyên xuất hiện và hoàn toàn giống với các em. Việc có những trạng thái cảm xúc thay đổi và mang cường độ cao là đặc điểm tâm lý bình thường ở lứa tuổi THCS. Tuy nhiên, những học sinh có tâm lý nhạy cảm trước những phản ứng thái quá của người khác, mà cụ thể ở đây là bạn bè của mình, sẽ có những khó khăn trong giao tiếp, thiết lập các mối quan hệ bè bạn trong môi trường học đường. Những phản ứng như vậy sẽ khiến các em và các bạn xung quanh cảm thấy tổn thương về mặt tinh thần. Đặc biệt, ở

lứa tuổi này, tình bạn và giao tiếp bạn bè có một ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với sự phát triển đời sống và nhân cách của các em.

3.1.2.2. Biểu hiện thái độ thù địch của học sinh trung học cơ sở

Đa số học sinh đều có cảm thấy: *"Em tự hỏi tại sao đôi khi em lại cảm thấy gay gắt về một số chuyện"* (*ĐTB = 2,76); "Đôi khi em cảm thấy mình rất dễ bị kích động" (ĐTB = 2,45).* Theo đặc điểm tâm lý lứa tuổi của học sinh THCS, chúng tôi nhận thấy ở thiếu niên, đặc điểm của hệ thần kinh hoạt động không đồng đều, quá trình hưng phấn mạnh chiếm ưu thế và quá trình ức chế có điều kiện bị suy giảm nên thiếu niên không làm chủ được xúc cảm, không kiềm chế được xúc động mạnh (Lê Văn Hồng, 2008). Điều này khiến cho thiếu niên dễ nổi nóng, hay có phản ứng vô cớ, dễ bị kích động, mất bình tĩnh… Đây chính là một trong những nguyên nhân khiến *"các em thường xuyên cảm thấy gay gắt về một số chuyện"*. Phỏng vấn bạn T.T.A ở lớp 8A trường THCS Đặng Thai Mai chia sẻ: *"Em thường xuyên mất bình tĩnh. Đôi khi chỉ những việc rất nhỏ cũng làm em cáu như: bạn tự ý lấy đồ dùng của em, bố mẹ phàn nàn về việc em hay xem phim hay đơn giản là việc ăn uống đúng giờ cũng làm em cảm thấy khó chịu, bực bội"*.

Đặc biệt, có đến 24,8% học sinh cho rằng *"Khi có người đặc biệt tốt với mình, em băn khoăn xem điều họ muốn là gì"* là hoàn toàn giống với các em, cho thấy ở lứa tuổi này, đời sống tâm lý của các em đang xảy ra những biến động lớn, sự hoài nghi cũng như những khó khăn trong cuộc sống đến từ sự hiểu biết và nhận thức chưa chín chắn. Như vậy, các em rất cần được thấu hiểu cho sự khủng hoảng tâm lý đang xảy ra và cần được giáo dục một số kĩ năng để vừa đáp ứng nhu cầu mở rộng giao lưu, học hỏi nhưng cũng vừa bảo vệ bản thân mình một cách an toàn, tránh tâm trạng bất an, lo lắng cho các em.

3.1.3. Biểu hiện gây hấn qua hành động của học sinh trung học cơ sở

3.1.3.1. Biểu hiện gây hấn với đồ vật của học sinh trung học cơ sở

Trong các biểu hiện gây hấn với đồ vật, biểu hiện *"Đôi khi em ném thứ đang cầm trong tay đi vì một lí do không tốt nào đó"* (M = 2,01) được học sinh thực hiện thường xuyên nhất. Đây là phản ứng rất dễ xảy ra ở lứa tuổi vị thành niên, lứa tuổi mà sự phát triển thể chất và tâm lý diễn ra không cân bằng, các em không làm chủ được mình, dễ bực tức cáu gắt (Đinh Thị Kim Thoa, 2009), dễ có những hành động gây tổn hại tới vật thể xung quanh.

Biểu hiện *"Cố ý đập vỡ các đồ vật"* được các em đánh giá là ít khi xảy ra nhất với ĐTB là 1,46 cho thấy sự tự kiểm soát tốt giúp các em ý thức giữ gìn tài sản xung quanh, không gây nên những thiệt hại về kinh tế không đáng có.

3.1.3.2. Biểu hiện gây hấn với bản thân của học sinh trung học cơ sở

Trong các mặt biểu hiện của HVGH thì gây hấn với bản thân có ĐTB thấp nhất là 1,58 điểm với ĐLC là 0,62. Như vậy, những biểu hiện gây tổn thương cho chính bản thân mình không xuất hiện nhiều trong số các em, tuy nhiên, loại hành vi gây hấn này với tên gọi khác như tự xâm kích thường khó phát hiện và gây ra những hậu quả đau lòng về thể chất và tâm lý cho học sinh, thậm chí có thể dẫn đến cái chết. Có đến 13,9% học sinh cho rằng các em thường "*Đập đầu, đập tay vào các đồ vật, tự quăng mình xuống sàn hoặc vào các vật nào đó*". Biểu hiện này có *ĐTB = 1,67*, cao nhất trong số các biểu hiện gây hấn với bản thân, cho thấy thiếu niên thường sử dụng cách này để giải tỏa khi có những sự cố trong cuộc sống. Điều này cho thấy các em còn chưa biết cách giải quyết những vấn đề trong cuộc sống một cách phù hợp và hiệu quả, dẫn đến việc uất ức và kiếm tìm những giải pháp tiêu cực như làm đau bản thân mình.

Biểu hiện *"Tự làm đau bản thân như gây ra những vết cắt sâu, tự cắn chảy máu, gây ra những vết thương nặng, gẫy xương, mất ý thức, gẫy răng..."* (*ĐTB = 1,43*) được thực hiện ít nhất. Trong những lúc nóng giận, hành động tự làm đau bản thân một cách có ý thức ấy của các em ít nhiều ảnh hưởng tới sức khỏe thể chất và tâm lý của các em. Chính vì vậy, đặt ra câu hỏi rằng: làm thế nào để giúp các em kiểm soát được hành vi trong cơn nóng giận?

3.1.3.3. Biểu hiện gây hấn với người khác của học sinh trung học cơ sở

Trong các biểu hiện của gây hấn bằng lời nói, biểu hiện *"Mắng người khác bằng những lời xúc phạm chính họ (ở mức độ nhẹ) ví dụ như: "Bạn thật ngu ngốc!"* (*ĐTB = 2,37*) được các em sử dụng với tần suất nhiều nhất. Việc mắng người khác là hành động bình thường ở lứa tuổi THCS. Tuy nhiên, những học sinh có tâm lí nhạy cảm khi bị bạn bè xúc phạm như vậy sẽ cảm thấy tổn thương về mặt tinh thần. Đặc biệt, ở lứa tuổi này, tình bạn và giao tiếp bạn bè có một ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với sự phát triển đời sống và nhân cách của các em. Vì vậy, chúng ta cần giáo dục các em cách cư xử đúng mực trong mối quan hệ với bạn bè.

Biểu hiện *"Làm cử chỉ đe dọa, huých vào người các bạn khác"* (*ĐTB = 1,79*) với tần suất nhiều hơn hẳn so với các biểu hiện khác. Kết quả trên cho thấy các em dễ dàng bị kích động, khó kiềm chế bản thân và tạo điều kiện cho HVGH bộc lộ.

3.1.4. Mối quan hệ giữa hành vi gây hấn và các mặt biểu hiện

Để tìm hiểu mối quan hệ giữa HVGH biểu hiện qua thái độ và HVGH biểu hiện qua hành động, chúng tôi tiến hành tính tương quan và hồi quy tuyến tính đa biến giữa các mặt biểu hiện của các loại HVGH trên.

Bảng 3.2. Tương quan giữa HVGH với các mặt biểu hiện

	Hệ số tương quan	***Gây hấn hành động***	***Gây hấn với đồ vật***	***Gây hấn với bản thân***	***Gây hấn người khác***
Gây hấn thái độ	*r*	**0,450****	**0,452****	0,242**	**0,423****
	p	0,000	0,000	0,000	0,000
Sự tức giận	*r*	0,387**	0,411**	0,217**	0,367**
	p	0,000	0,000	0,000	0,000
Thái độ thù địch	*r*	**0,420****	0,392**	0,264**	0,354**
	p	0,000	0,000	0,000	0,000

Có sự tương quan thuận ở mức độ trung bình (r = 0,45**) giữa HVGH qua thái độ và HVGH qua hành động. Như vậy, các em học sinh thường hay tức giận, có những thái độ không phù hợp, thiếu thiện chí... cũng là những em có mức độ thực hiện gây hấn bằng hành động ở mức độ cao. Điều này là một đặc điểm cần được lưu ý, trong công tác giáo dục, để giảm thiểu HVGH không chỉ dùng những biện pháp răn đe, kỉ luật học sinh mà quan trọng hơn phải giúp các em kiểm soát sự tức giận, xây dựng một đời sống tinh thần khỏe mạnh, chú trọng công tác phòng ngừa, nâng cao nhận thức và bồi dưỡng những thái độ đúng đắn, chuẩn mực cho học sinh đối với HVGH. Kết quả này có sự tương đồng với nghiên cứu của Tangney và cộng sự (2004) cho rằng học sinh thực hiện các hành vi gây hấn như là một kết quả của sự tức giận. Nghĩa là những em thường xuyên tức giận, cáu gắt, v.v. sẽ có khả năng thực hiện gây hấn hành vi cao hơn các bạn khác.

Thái độ thù địch cũng tương quan thuận chặt chẽ ở mức trung bình với gây hấn hành động (r = 0,42**, p = 0,00) cho thấy những em học sinh có những biểu hiện thiếu thiện chí, thiếu hòa đồng và bao dung cũng thường có những biểu hiện gây gổ, đánh nhau... và ngược lại.

Bảng 3.3. Các giá trị thống kê của phép hồi qui tuyến tính bội - Dự báo sự ảnh hưởng của các mặt biểu hiện của HVGH

		Gây hấn thái độ	**Gây hấn hành động**
Giá trị tương quan bội (R)		*0,48*	*0,45*
Hệ số xác định bội (R^2)		*0,23*	*0,20*
F		*46,911*	*60,977*
Hệ số p		*0,00*	
		0,18	
		0,00	
	Sự tức giận		*0,00*
	Thái độ thù địch		*0,00*

So sánh vai trò của từng mặt biểu hiện đối với HVGH, phân tích hồi qui tuyến tính bội, trong đó, tổng hợp tất cả các mặt là biến độc lập, cho thấy:

Giá trị tương quan bội là *R = 0,48* và với 3 mặt của gây hấn hành động giải thích được *23% (R^2 = 0,23)* mức độ gây hấn thái độ. Như vậy, gây hấn với người khác, gây hấn với đồ vật là yếu tố độc lập có ý nghĩa dự đoán mức độ gây hấn thái độ của học sinh.

Tổng hợp 2 khía cạnh cảm xúc đó là sự tức giận và thái độ thù địch có thể dự báo được 20% cho mức độ gây hấn hành động. Kết quả này có sự tương đồng với các nghiên cứu của Berkowitz & Heimer (1989) và Buss & Perry (1992) khi cho rằng sự tức giận chính là cầu nối có thể dẫn đến các HVGH.

Kết quả trên cho thấy rằng 5 mặt được khảo sát trong nghiên cứu này là những mặt có sự ảnh hưởng đến HVGH, góp phần dự báo cho mức độ HVGH của học sinh THCS. Tỷ lệ % mà mô hình này không giải thích được cho biến phụ thuộc là khoảng 77%. Tỷ lệ này có thể được giải thích bằng các yếu tố khác không nằm trong mô hình được xem xét.

3.2. Các yếu tố dự báo hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở

Đánh giá vai trò của các yếu tố ảnh hưởng đến HVGH với HVGH, phân tích hồi qui tuyến tính đơn với biến phụ thuộc là mức độ HVGH và các biến độc lập là các yếu tố ảnh hưởng như khả năng tự kiểm soát, tính gắn kết trường học, mức độ chơi game giải trí.

Bảng 3.4. Phân tích hồi qui tuyến tính đơn – dự báo của yếu tố đối với HVGH

GH bằng thái độ:	**r**	**R^2**	**F**	**P**
Tự kiểm soát tiêu cực	0,40	0,17	94,04	<0,001
Tự kiểm soát tích cực	0,19	0,04	17,226	<0,001
Mức độ chơi game	0,14	0,02	9,58	<0,002
GH bằng hành động:				
Tự kiểm soát tiêu cực	0,57	0,33	228,496	<0,001
Tự kiểm soát tích cực	0,13	0,02	7,60	<0,001
Tính gắn kết trường học	0,28	0,08	40,237	<0,001
Mức độ chơi game	0,15	0,02	10,438	<0,001

Về tổng quát, các yếu tố trên đều có vai trò dự báo đối với HVGH và số liệu có ý nghĩa về mặt thống kê ($p < 0,01$). Hệ số xác định R^2 của từng biến độc lập chỉ ra biên độ có thể gây ảnh hưởng của chúng đối với mức độ HVGH bằng thái độ và gây hấn bằng hành động.

Đối với gây hấn bằng thái độ, hệ số R^2 dao động từ 0,02 đến 0,17 (chi tiết ở bảng) cho thấy tự kiểm soát tích cực, tự kiểm soát tiêu cực và mức độ chơi game là

những yếu tố độc lập có thể giải thích từ 2% đến 17% cho sự thay đổi của HVGH biểu hiện qua thái độ. Điều đó có nghĩa là, đối với học sinh THCS, các yếu tố ảnh hưởng đều có vai trò quan trọng tác động đến mức độ HVGH bằng thái độ. Tuy nhiên, mức độ quan trọng của từng yếu tố đối với HVGH là khác nhau. Có những yếu tố có biên độ ảnh hưởng tương đối lớn (tự kiểm soát tiêu cực), giải thích đến 17% cho gây hấn thái độ. Trong khi đó, yếu tố mức độ chơi game giải trí chỉ giải thích được 2% cho gây hấn thái độ.

Đối với gây hấn bằng hành động, hệ số R^2 dao động từ 0,02 đến 0,33 (chi tiết ở bảng) cho thấy các yếu tố khả năng tự kiểm soát, tính gắn kết trường học, mức độ chơi game giải trí có thể giải thích từ 2% đến 33% cho sự thay đổi của HVGH biểu hiện qua hành động. Trong đó, tự kiểm soát tiêu cực có thể giải thích đến 33% cho mức độ gây hấn hành động. Như vậy, số liệu trên cho thấy khả năng tự kiểm soát, đặc biệt là kiểm soát tiêu cực là yếu tố độc lập có thể dự báo được 17% mức độ gây hấn thái độ và 33% mức độ gây hấn hành động. Kết quả nghiên cứu là một trong những cơ sở để xây dựng các biện pháp phòng ngừa, can thiệp HVGH cho học sinh là cần phải giảm thiểu mức độ tự kiểm soát tiêu cực.

Bảng 3.5. Các giá trị thống kê của phép hồi qui tuyến tính bội - Dự báo của các yếu tố ảnh hưởng đến HVGH

		Gây hấn thái độ	**Gây hấn hành động**
Giá trị tương quan bội (R)		*0,60*	*0,57*
Hệ số xác định bội (R^2)		*0,36*	*0,32*
F		*36,27*	*30,55*
Hệ số p	Kiểm soát tích cực	0,81	**0,00**
	Kiểm soát tiêu cực	**0,00**	**0,00**
	Tính gắn kết trường học	**0,00**	**0,00**
	Mức độ chơi game giải trí	**0,31**	0,12
	Giới tính	**0,00**	0,13
	Học lực	**0,02**	0,64

So sánh vai trò của từng mặt đối với HVGH, phân tích hồi qui tuyến tính bội, trong đó, tổng hợp tất cả các mặt là biến độc lập cho thấy tổng hợp 6 mặt có thể giải thích được khoảng 32% cho mức độ gây hấn hành động và 36% cho mức độ gây hấn thái độ. Điều đó cho thấy rằng 6 mặt được khảo sát trong nghiên cứu này là những mặt rất quan trọng trong các yếu tố ảnh hưởng đến HVGH, góp phần dự báo cho mức độ HVGH của học sinh THCS. Tỷ lệ % mà mô hình này không giải thích được cho

biến phụ thuộc là khoảng 64%. Tỷ lệ này có thể được giải thích bằng các yếu tố khác không nằm trong mô hình được xem xét.

Đối với gây hấn thái độ

- Giá trị tương quan bội là *R = 0,60* và tất cả 7 yếu tố này giải thích được *36% (R^2 = 0,36)* mức độ gây hấn thái độ. Khả năng tự kiểm soát tích cực, tiêu cực và tính gắn kết trường học là yếu tố độc lập có ý nghĩa dự đoán mức độ gây hấn thái độ. Các yếu tố còn lại có rất ít ảnh hưởng đến mức độ gây hấn thái độ.

Đối với gây hấn hành động

- Giá trị tương quan bội là *R = 0,57* và tất cả 7 yếu tố này giải thích được *32% (R^2 = 0,32)* mức độ gây hấn hành động. Giới tính, kiểm soát tiêu cực và tính gắn kết trường học là yếu tố độc lập có ý nghĩa dự đoán mức độ gây hấn hành động. Các yếu tố còn lại có rất ít ảnh hưởng đến mức độ gây hấn hành động.

Kết quả phân tích hồi quy đơn giữa các nhân tố HVGH với các nhân tố tự kiểm soát (đặc biệt là kiểm soát tiêu cực) và kết quả phân tích hồi quy đa biến giữa các nhân tố HVGH với yếu tố khác liên quan là có sự thay đổi. Tính dự đoán thay đổi (cụ thể đối với gây hấn bằng thái độ R^2 = *0,17* so với R^2 = *0,33,* gây hấn bằng hành động R^2 = *0,33* so với R^2 = *0,32)* có nghĩa là biến được dự đoán (biến phụ thuộc) HVGH nhạy trước sự thay đổi của các chỉ báo (biến độc lập), đặc biệt là khả năng tự kiểm soát cảm xúc của các em.

Đặc biệt, từ kết quả nghiên cứu, gây hấn bằng thái độ có nhiều chỉ số có thể dự đoán được hơn gây hấn hành động, hay nói cách khác nó có vẻ như được gây ra bởi các yếu tố bên ngoài nhiều hơn.

3.2.1. *Khả năng tự kiểm soát*

Dùng so sánh cặp đôi T-test để so sánh các nhân tố của khả năng tự kiểm soát. Kết quả cho thấy các em thường có xu hướng kiểm soát tích cực (*ĐTB = 3,27)* tốt hơn kiểm soát tiêu cực (*ĐTB = 2,72*). Kết quả này có ý nghĩ về mặt thống kê với p = 0,00, t = -14,327.

Bảng 3.6. Tương quan các nhân tố khả năng tự kiểm soát và HVGH

	(1) Gây hấn thái độ	***(2) Gây hấn hành động***	***(3) Kiểm soát tích cực***	***(4) Kiểm soát tiêu cực***
(1)	1			
(2)	0,45**	1		
	0,00			
(3)	-0,02	-0,28**	1	
	0,61	0,00		
(4)	**0,57****	**0,40****	-0,00	1
	0,00	0,00	0,96	

Bảng số liệu trên cho thấy có sự tương quan thuận ở mức độ trung bình giữa kiểm soát tiêu cực với gây hấn thái độ (R = 0,57**) gây hấn hành động (*R = 0,41***). Tức là ở những em có mức độ kiểm soát tiêu cực càng cao đồng nghĩa với việc càng có nhiều biểu hiện gây hấn hành động, gây hấn thái độ và ngược lại. Hệ số tương quan giữa 2 biến cho thấy HVGH của học sinh có liên quan chặt chẽ đến việc kiểm soát cảm xúc của các em. Kết quả này tương đồng với kết quả nghiên cứu của DeWall và cộng sự (2007) cho rằng: khi năng lực tự kiểm soát kém thì sẽ có xu hướng thực hiện HVGH. Ngoài ra, nghiên cứu của Stucke và cộng sự (2006) cũng khẳng định khả năng tự kiểm soát bị hạn chế thì mức độ của hành vi gây hấn càng cao.

Kết quả nghiên cứu còn cho thấy có sự tương quan nghịch ở mức độ thấp giữa kiểm soát tích cực với gây hành động (*r = -0,28***). Như vậy, những em có khả năng kiểm soát cảm xúc tốt và biết ứng xử, giải quyết các tình huống có vấn đề một cách hợp lý thì mức độ HVGH sẽ thấp và ngược lại. Kết quả này cũng tương đồng với nghiên cứu của Tangney và cộng sự (2004) khẳng định mức độ tự kiểm soát cao tỉ lệ nghịch với ý đồ xấu xa, ngang bướng và những biểu hiện tính gây hấn bên ngoài. Những người tự kiểm soát cao thường ít khi tức giận, đồng thời có xu hướng tương đối thấp thực hiện các hành vi gây hấn.

Bảng 3.7. Tổng hợp các trị số trong phân tích hồi quy tuyến tính đơn các nhân tố gây hấn với các nhân tố khả năng tự kiểm soát

		Gây hấn thái độ	**Gây hấn hành động**
Kiểm soát tiêu cực	*Giá trị tương quan bội (R)*	**0,57**	**0,41**
	Hệ số xác định bội (R^2)	**0,33**	**0,17**
	Hệ số p	0,00	0,00
Kiểm soát tích cực	*Giá trị tương quan bội (R)*	0,13	0,19
	Hệ số xác định bội (R^2)	0,02	0,04
	Hệ số p	0,00	0,00

Tương quan nghịch ở mức độ thấp giữa kiểm soát tích cực với gây hành vi (*r = -0,28***).

Tiến hành phân tích hồi quy đơn giữa các nhân tố gây hấn với mức độ kiểm soát tiêu cực:

- Giá trị tương quan bội là *R = 0,41* và mức độ kiểm soát tiêu cực giải thích được 17% *(R^2 = 0,176)* mức độ gây hấn hành vi. Kiểm soát tiêu cực là yếu tố độc lập có ý nghĩa dự đoán mức độ gây hấn hành vi.

- Giá trị tương quan bội là *R = 0,57* và mức độ kiểm soát tiêu cực giải thích được 33% *(R^2 = 0,33)* mức độ gây hấn thái độ. Kiểm soát tiêu cực là yếu tố độc lập có ý nghĩa dự đoán mức độ gây hấn thái độ.

Đối với cả hai loại HVGH, mức độ kiểm soát tích cực có dự báo nhưng không nhiều.

3.2.2. Tính gắn kết trường học của học sinh THCS

Tính gắn kết trường học được bộc lộ trên 3 mặt: mối quan hệ với thầy cô, mối quan hệ với bạn bè, mối quan hệ của học sinh với nhà trường. Số liệu thu thập được cho thấy các biểu hiện của tính gắn kết trường học, cụ thể như sau:

Bảng 3.8. Các biểu hiện của tính gắn kết trường học của học sinh THCS

Mối quan hệ với thầy cô	***ĐTB***	***ĐLC***
Đa số các thầy cô trong trường quan tâm đến em.	2,88	1,13
Có ít nhất một giáo viên hoặc người nào đó trong trường em có thể chia sẻ khi gặp khó khăn.	2,97	1,26
Các thầy cô tôn trọng em.	3,47	1,13
*Các thầy cô không quan tâm đến những người như em.	2,24	0,12
Mối quan hệ với bạn bè	***ĐTB***	***ĐLC***
Những học sinh khác quan tâm đến ý tưởng của em.	2,81	1,05
Em được các bạn khác đối xử một cách tôn trọng.	3,25	1,12
Những học sinh khác thích cách ứng xử của em.	3,01	1,10
Mọi người thường chú ý khi em làm tốt một điều gì đó.	3,21	1,06
Mọi người trong trường rất thân thiện với em.	3,23	1,12
Mọi người trong trường biết em học tốt.	2,63	1,09
Mối quan hệ với nhà trường	***ĐTB***	***ĐLC***
Em cảm thấy mình chính là một phần của ngôi trường này.	3,31	2,67
Em tham gia rất nhiều các hoạt động ở trường.	3,30	1,23
Em có thể thực sự là chính bản thân mình khi ở trường.	3,21	1,20
Em cảm thấy tự hào khi là học sinh của trường.	3,66	1,27
*Rất khó để những người như em được chấp nhận tại ngôi trường này.	1,94	0,10
*Đôi khi em cảm thấy như thể không thuộc về nơi đây.	2,38	0,11
*Em ước rằng mình đã học ở một ngôi trường khác.	2,21	0,12
Tổng	***2,86***	***0,55***

**: Câu có nội dung ngược chiều, đã được đảo ngược điểm.*

Tính gắn kết trường học có ĐTB = 2,86 với ĐLC = 0,55 cho thấy các học sinh có sự kết nối với thầy cô, bạn bè và nhà trường ở mức độ trung bình khá. Trong mối quan hệ với thầy cô, phần lớn các em cảm thấy được tôn trọng ĐTB = 3,47. Mức độ gắn kết trường học có sự tương quan nghịch ở mức độ thấp với gây hấn thái độ (r = -0,28**, p = 0,00). Tức là, ở một số học sinh, mức độ gắn kết trường học càng cao thì các biểu hiện về HVGH càng thấp. Như vậy, tính gắn kết trường học mà cụ thể ở đây là mối quan hệ tích cực và tôn trọng lẫn nhau giữa giáo viên và học sinh, giữa học sinh với nhau cũng như tình cảm, thái độ của các em với trường học của mình - môi trường sư phạm an toàn về thể chất và tình cảm có mối quan hệ với mức độ HVGH của các em. Ở độ tuổi này, tự ý thức của các em đang phát triển mạnh mẽ, nhu cầu được yêu thương, được quan tâm, được tôn trọng và được thuộc về các nhóm bạn cũng như được khẳng định bản thân mình và tự tin trước mặt thầy cô, bạn bè có ý nghĩa rất lớn với các em. Nếu được đáp ứng, các em sẽ có một đời sống tinh thần khỏe mạnh cũng như sự tự tin, xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với nhà trường và thầy cô, từ đó gắn kết với ngôi trường của chính mình.

Các yếu tố học lực, địa bàn trường, khối lớp

Kết quả nghiên cứu cho thấy:

Về học lực, mức độ gây hấn thái độ tỉ lệ thuận còn mức độ gây hấn hành động thì tỉ lệ nghịch. Tức là, học sinh THCS có học lực càng giỏi, xuất sắc thì có mức độ gây hấn thái độ (ĐTB = 2,61) nhiều hơn học sinh THCS có học lực trung bình và yếu (ĐTB = 2,39). Như vậy, không phải sinh có học lực tốt, nhận thức đúng là có những thái độ phù hợp đối với bạn bè của mình. Càng những học sinh có học lực giỏi và xuất sắc càng có những biểu hiện đố kị, ganh tỵ nhau trong lớp học. Đối với học sinh THCS, hình ảnh bản thân là vô cùng quan trọng, trong đó, kết quả học tập là một trong những tiêu chí đánh giá các em. Phỏng vấn GVCN lớp 8A là một trong những lớp chọn của trường THCS Đặng Thai Mai trên địa bàn thành phố Vinh cho thấy: *"Kết quả học tập không như kì vọng, đặc biệt với những học sinh vốn được coi là "con ngoan trò giỏi" càng làm cho các em hụt hẫng, lo lắng, thất vọng dẫn đến sự nổi nóng, tức giận và đố kị với bạn bè"*. Như vậy, đây là một trong những phát hiện mới của đề tài chỉ ra ở những học sinh có học lực xuất sắc và giỏi tại những trường chuyên lớp chọn thì mức độ gây hấn thái độ cao hơn những học sinh có học lực trung bình.

Về địa bàn trường, có sự khác biệt rõ rệt về gây hấn thái độ tại các trường THCS ở nhiều vùng miền khác nhau trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Các em học sinh ở thành phố Vinh, đặc biệt là trường THCS Đặng Thai Mai - nơi được gọi là trường chuyên lớp chọn với áp lực học tập lớn, chương trình học tập nặng nề có thái độ thù địch cao nhất (*ĐTB =*

2,62). Trong khi đó, các trường ở nông thôn như trường THCS Nghi Trung và Nghi Mỹ ở huyện Nghi Lộc có thái độ thù địch thấp nhất *(ĐTB = 2,36* và *2,35)*. Các em học sinh tại trường THCS Mường Xén và PTDTNT THCS Kỳ Sơn là địa bàn miền núi và chủ yếu là người dân tộc Thái, H' Mông có mức độ biểu hiện gây hấn thái độ ở mức trung bình. Như vậy, khi nói đến HVGH, người ta thường nghĩ đến những hành vi ở học sinh chưa ngoan, có học lực thấp và tại những trường đặc biệt, nhưng số liệu chỉ ra rằng, tại những trường chuyên lớp chọn, học sinh có mức độ gây hấn thái độ cao nhất. Có thể là do áp lực học tập quá lớn cộng với những đặc điểm tâm lý như sự tự ý thức, mong muốn khẳng định bản thân và được người khác ghi nhận đã vô tình khiến các em có những sự so sánh, áp lực cũng như thái độ chưa phù hợp với bạn bè của mình.

Về khối lớp, mức độ HVGH trong tất cả các mặt biểu hiện ở các em ở khối 8 và lớp 9 luôn có điểm trung bình cao hơn các em khối 6 và khối 7. Các em ở khối 6 do mới bước vào trường THCS còn rụt rè, e ngại. Là lớp đầu cấp, học sinh lớp 6 vẫn còn mang dáng dấp của học sinh tiểu học với một đời sống tâm lý diễn ra hết sức êm đềm trong suốt 5 năm học ở bậc Tiểu học và chưa có những thay đổi biến động về đời sống tâm lý nên còn ít xảy ra các biểu hiện HVGH. Tuy nhiên, lên những bậc học cao hơn, tuổi dậy thì sẽ khiến các em muốn trở thành người lớn một cách khách quan và sử dụng HVGH như một công cụ để "ra oai", để chứng tỏ bản thân. Bên cạnh đó, khả năng tư duy và đời sống tâm lý phát triển mạnh mẽ, sâu sắc và nhạy bén, các em sẽ nhận thức về cuộc sống đa dạng và phong phú hơn nhưng cũng sẽ có những cái nhìn hoài nghi, tiêu cực về thế giới xung quanh, các em sẽ không được vô tư, hồn nhiên như đầu bậc học nữa. Sự thay đổi tâm sinh lý, thay đổi vai trò, vị trí của thân trong cuộc sống sẽ khiến các em phần nào bất mãn và hẫng hụt, dẫn đến những thái độ thiếu thiện chí. Đó là lý do học sinh khối 8, độ tuổi bắt đầu có những thay đổi về tâm sinh lý của tuổi dậy thì, có mức độ gây hấn cao nhất trong các khối.

3.2.3. Mạng xã hội và game bạo lực

Bảng 3.9. So sánh mức độ chơi game với các nhân tố của HVGH.

Tiêu chí	**Gây hấn hành động**				**Gây hấn thái độ**			
Mức độ chơi game	***ĐTB***	***ĐLC***	***F***	***p***	***ĐTB***	***ĐLC***	***F***	***p***
Không bao giờ	1,74	0,54	*4,33*	*0,00*	**2,31**	0,55	*2,98*	*0,00*
Rất hiếm khi	**1,89**	**0,40**			2,40	0,44		
Một vài lần/tháng	1,84	0,54			2,52	0,44		
Một vài lần/tuần	1,75	0,54			2,41	0,46		
Hàng ngày	**1,96**	**0,41**			**2,64**	**0,49**		

Mức độ chơi game cũng tỉ lệ thuận với mức độ gây hấn. Đối với cả 2 loại HVGH, những em chơi game hằng ngày thường có tần suất gây hấn ở mức cao nhất *ĐTB = 2,64* với gây hấn thái độ và *ĐTB = 1,96* với gây hấn hành vi, trong khi những em không bao giờ chơi game thì có mức độ gây hấn thấp nhất (*ĐTB = 2,31* và *2,74).* Tiến hành so sánh mức độ gây hấn thái độ đối với các loại game mà học sinh chơi, kết quả cho thấy những học sinh chơi game có yếu tố bạo lực (đâm chém, sử dụng vũ khí, v.v.) có mức độ gây hấn thái độ nhiều hơn các bạn không chơi. *ĐTB = 2,50 > 2,44* với *p = 0,02, F = 5,234*. Như vậy, việc chơi các loại game bạo lực cũng như tần suất chơi game liên tục có thể dẫn đến tâm trạng hằn học, bực tức, những thái độ thiếu thiện chí, thiếu hòa nhã ở học sinh THCS.

3.3. Kết quả thực nghiệm tác động

Tiến hành chương trình tác động phòng ngừa HVGH thông qua giáo dục kĩ năng tự kiểm soát cho học sinh với ba nội dung: 1) Nâng cao nhận thức về HVGH trong trường học; 2) Phát triển kĩ năng giải quyết vấn đề; 3) Phát triển kĩ năng kiểm soát cảm xúc cho học sinh.

Để đánh giá mức độ HVGH của học sinh trước và sau thực nghiệm, chúng tôi sử dụng thang đo về HVGH dưới sự phân loại gây hấn thái độ và gây hấn hành động, được thiết kế dưới dạng câu trả lời theo mức độ: *1:Không bao giờ, 2: Hiếm khi, 3: Thỉnh thoảng, 4: Thường xuyên*. Kết quả như sau:

Bảng 3.10. Những thay đổi trong HVGH trước và sau thực nghiệm

Nhóm thực nghiệm		***ĐTB***	***ĐLC***	***F***	***p***
Gây hấn thái độ	Trước thực nghiệm	2,51	0,48	2,439	0,04
	Sau thực nghiệm	2,40	0,47		
Gây hấn hành động	Trước thực nghiệm	1,63	0,63	4,179	0,00
	Sau thực nghiệm	1,55	0,60		
Nhóm đối chứng		***ĐTB***	***ĐLC***	***F***	***p***
Gây hấn thái độ	Trước thực nghiệm	2,55	0,52	6,851	0,00
	Sau thực nghiệm	2,50	0,50		
Gây hấn hành động	Trước thực nghiệm	1,79	0,49	4,312	0,05
	Sau thực nghiệm	1,78	0,50		

Dùng so sánh cặp đôi T-test để so sánh các nhân tố của HVGH ở cả 2 nhóm trước và sau thực nghiệm cho thấy:

Ở nhóm đối chứng, mức độ gây hấn thái độ có xu hướng giảm nhẹ, trước thực nghiệm có *ĐTB = 2,55* với *ĐLC = 0,52* và sau thực nghiệm có *ĐTB = 2,50* với *ĐLC =*

0,50 và kết quả này có ý nghĩa thống kê với *p = 0,00; F = 6,851*. Như vậy, ở nhóm đối chứng, mức độ gây hấn thái độ sau 6 tháng có xu hướng giảm đi nhưng không đáng kể. Mức độ gây hấn hành động gần như không có sự thay đổi, trước thực nghiệm nhóm đối chứng có *ĐTB = 1,79* với *ĐLC = 0,49* và sau thực nghiệm có *ĐTB = 1,78* với *ĐLC = 0,50,* Như vậy, nhìn chung mức độ HVGH của nhóm đối chứng có sự thay đổi nhưng không đáng kể.

Ở nhóm thực nghiệm, so với trước thực nghiệm, gây hấn thái độ và gây hấn hành động có xu hướng giảm đáng kể. Cụ thể, gây hấn thái độ có *ĐTB* trước thực nghiệm là *2,51* với *ĐLC = 0,48* sau thực nghiệm giảm xuống còn *ĐTB = 2,40* với *ĐLC = 0,47* và kết quả này có ý nghĩa thống kê với *p = 0,04; F = 2,839*. Về mặt gây hấn hành động, ĐTB trước thực nghiệm là *1,79* với *ĐLC = 0,49* và sau thực nghiệm là *1,55* với *ĐLC = 0,50* và kết quả này có ý nghĩa thống kê với *p = 0,00; F = 4,312*. Như vậy, sau quá trình thực nghiệm trong 6 tháng với 12 buổi nhằm nâng cao nhận thức cho học sinh về HVGH trong trường học và phát triển các kĩ năng tự kiểm soát cho các em, HVGH của học sinh đã có chuyển biến tốt thể hiện ở sự giảm đi của mức độ gây hấn thái độ và gây hấn hành động.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Qua nghiên cứu đề tài HVGH của học sinh THCS, chúng tôi rút ra được các kết luận sau:

1.1. Về lí luận

Hành vi là những phản ứng của chủ thể với những kích thích.

Gây hấn là những biểu hiện nhằm làm tổn thương người khác về thể chất và tinh thần một cách có chủ ý.

Hành vi gây hấn là những phản ứng có chủ đích gây tổn hại về thể chất, tinh thần cho người khác và được biểu hiện qua thái độ và hành động.

Hành vi gây hấn của học sinh THCS là những phản ứng có chủ đích gây nên những tổn hại về thể chất và tâm lý cho chính mình, người khác hoặc những vật thể xung quanh, được biểu hiện qua thái độ và hành động của học sinh.

1.2. Về thực trạng

Thực trạng hành vi gây hấn

Thứ nhất, học sinh có xu hướng gây hấn thái độ nhiều hơn gây hấn hành động. Có tương quan thuận ở mức độ trung bình giữa gây hấn hành động và gây hấn thái độ, tức là những học sinh có gây hấn thái độ càng nhiều sẽ có xu hướng thực hiện gây hấn hành động càng cao.

Thứ hai, có sự khác biệt về giới về HVGH. Học sinh nam có xu hướng thực hiện gây hấn hành động nhiều hơn học sinh nữ và học sinh nữ có xu hướng thực hiện gây hấn thái độ nhiều hơn học sinh nam.

Thứ ba, có sự khác biệt về HVGH theo học lực, những học sinh học lực xuất sắc và giỏi thường thực hiện gây hấn thái độ nhiều hơn học sinh có học lực trung bình, yếu.

Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới HVGH của học sinh THCS

Thứ nhất, có sự tương quan thuận giữa khả năng tự kiểm soát tiêu cực với HVGH của học sinh. Khả năng tự kiểm soát là yếu tố độc lập dự báo HVGH.

Thứ hai, kết quả phân tích hồi quy đơn và hồi quy đa biến giữa các nhân tố như khả năng tự kiểm soát, tính gắn kết trường học, mức độ chơi game, ứng xử trong gia đình đối với HVGH có sự thay đổi, cho thấy HVGH (biến phụ thuộc) nhạy trước sự thay đổi của các chỉ báo (biến độc lập). Đặc biệt, gây hấn về mặt hành động có nhiều chỉ số có thể dự đoán được hơn gây hấn thái độ.

Thứ ba, mức độ chơi game giải trí, các loại hình phim có ảnh hưởng trực tiếp đến mức độ HVGH của học sinh.

1.3. Về thực nghiệm

Kết quả thực nghiệm *"Phòng ngừa HVGH thông qua việc nâng cao một số kỹ năng tự kiểm soát cho học sinh THCS"* mang lại hiệu quả, khả thi.

Với kết quả nghiên cứu trên cho phép chúng tôi khẳng định kết quả nghiên cứu phù hợp với giả thuyết đã nêu trong luận án và các nhiệm vụ của đề tài đã được giải quyết.

2. Kiến nghị

2.1. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Nghệ An

2.2. Đối với các trường THCS trên địa bàn tỉnh Nghệ An

2.3. Đối với phụ huynh, gia đình học sinh

2.4. Đối với bản thân học sinh